

Nghi Dương, ngày 27 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch số 132-KH/ĐU ngày 24/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý hoạt động bến, bãi ven sông, kênh trục nội đồng trên địa bàn xã Nghị Dương

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý hoạt động bến, bãi ven sông, kênh trục nội đồng trên địa bàn thành phố; Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định quản lý, khai thác và cho thuê quỹ đất ngắn hạn; Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 13/8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy; Kế hoạch số 132-KH/ĐU ngày 24/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Nghị Dương về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy.

Ủy ban nhân dân xã Nghị Dương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn xã với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy, đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết; tạo sự thống nhất trong quản lý hoạt động bến, bãi trên địa bàn xã; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đưa hoạt động bến, bãi vào nền nếp, phù hợp quy hoạch, bảo đảm an toàn đê điều, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, giao thông, môi trường và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Xử lý kiên quyết, dứt điểm các hành vi lấn chiếm hành lang bảo vệ đê điều, thủy lợi, hành lang an toàn giao thông đường thủy, xây dựng công trình trái phép, gây ô nhiễm môi trường. Thiết lập trật tự, kỷ cương pháp luật trong công tác quản lý đất đai bến bãi; chống thất thu ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai phải bám sát Nghị quyết số 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy, Kế hoạch số 311/KH-UBND của UBND thành phố và quy định của pháp luật; bảo đảm đồng bộ, đúng tiến độ, rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, thời gian, sản phẩm và thẩm quyền.

- Kiểm tra, rà soát, phân loại, xác định phương án, lộ trình xử lý đối với từng bến, bãi và tổ chức xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

- Các tổ chức, cá nhân chấp hành yêu cầu, phối hợp với cơ quan nhà nước trong quá trình kiểm tra, rà soát và phân loại, hoàn thiện hồ sơ, khắc phục vi phạm.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Kiểm tra, rà soát, phân loại bến, bãi

- Kiểm tra, rà soát, thống kê toàn bộ bến, bãi hiện trạng và xác định, đề xuất bến, bãi mới. Đối với từng bến, bãi, xác định chủ thể quản lý, vị trí, diện tích sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, tình trạng quy hoạch; các thủ tục về đất đai, đầu tư, giao thông, xây dựng, đề điều, thủy lợi, môi trường; nghĩa vụ tài chính; vi phạm và kết quả xử lý vi phạm (nếu có).

- Phân loại theo bộ tiêu chí, nguyên tắc quy định tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch số 311/KH-UBND của UBND thành phố:

- + Nhóm (1): Bến, bãi đáp ứng tiêu chí tại khoản 1 Mục II được đề xuất cập nhật, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan.

- + Nhóm (2): Bến, bãi không thuộc nhóm (1), nhưng vị trí đất đáp ứng tiêu chí tại khoản 2 Mục II, được đề xuất xem xét áp dụng cơ chế cho thuê đất ngắn hạn hoặc tiếp tục cho thuê đất đối với bến, bãi có chủ trương đầu tư còn hiệu lực phù hợp quy định của pháp luật.

- + Nhóm (3): Bến, bãi không thuộc nhóm (1) và nhóm (2), được xác định phương án, trách nhiệm, lộ trình và thời hạn chấm dứt hoạt động, giải tỏa theo quy định.

- + Nhóm (4): Đối với khu vực hiện chưa hình thành bến, bãi, nếu đáp ứng tiêu chí tại khoản 1 Mục II thì được lập danh mục để nghiên cứu bố trí bến, bãi mới và đề xuất cập nhật, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan.

- Lập hồ sơ đối với từng bến, bãi và danh mục tổng hợp trên địa bàn theo Phụ lục III, IV, V kèm theo Kế hoạch số 311/KH-UBND của UBND thành phố.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và báo cáo

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 10-NQ/TU, Kế hoạch số 311/KH-UBND của UBND thành phố và các quy định pháp luật có liên quan.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến thường xuyên và các đợt cao điểm về chủ trương, chính sách, pháp luật về quản lý hoạt động bến, bãi, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, tổ chức, cá nhân có liên quan. Phát huy tốt ứng dụng công nghệ số trong công tác tuyên truyền, tổ chức tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm, những vấn đề liên quan trực tiếp đến địa bàn, phân loại, xác định các nhóm trường hợp cần tập trung tuyên truyền, cam kết thực hiện các quy định của pháp luật.

- Thường xuyên cập nhật các chủ trương mới của Đảng, các quy định của Nhà nước, nắm bắt tình hình dư luận xã hội, định hướng tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên kịp thời, đấu tranh, phản bác các thông tin sai sự thật, các biểu hiện lợi dụng tuyên truyền pháp luật để kích động, lôi kéo cán bộ, đảng viên và Nhân dân khiêu khích, phát tán thông tin xấu, độc ảnh hưởng đến an ninh trật tự và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội xã.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, doanh nghiệp, chủ bến, bãi chấp hành quy định pháp luật; đồng thời đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong công tác quản lý hoạt động bến, bãi.

- Thông báo đến tổ chức, cá nhân về kết quả phân loại, thủ tục còn thiếu, nghĩa vụ tài chính, vi phạm phải khắc phục và thời hạn thực hiện.

- Thường xuyên cập nhật hồ sơ, danh mục quản lý, tình trạng pháp lý, vi phạm, nghĩa vụ tài chính và kết quả xử lý đối với từng bến, bãi. Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu số về bến, bãi, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

2.2. Cập nhật, bổ sung bến, bãi vào quy hoạch

- Kiểm tra và xác định danh mục bến, bãi Nhóm (1) đề xuất Sở Xây dựng cập nhật, bổ sung vào quy hoạch chung thành phố.

- Rà soát, nghiên cứu bố trí các khu vực bến, bãi tập trung và khu vực thay thế các bến, bãi phải chấm dứt hoạt động; ưu tiên khu vực có kết nối giao thông thuận lợi, phục vụ sản xuất, xây dựng và dân sinh.

2.3. Xác định danh mục, vị trí được xem xét cho thuê đất ngắn hạn

- Rà soát các bến, bãi Nhóm (2) đang hoạt động có vị trí đất có khả năng khai thác, sử dụng ngắn hạn trong thời gian chưa đưa đất vào sử dụng theo quy hoạch, dự án hoặc phương án chính thức.

- Đối với từng vị trí, xác định nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất, chủ thể quản lý, sử dụng, diện tích, tài sản và công trình trên đất; phương án thu hồi, tiếp nhận, bàn giao hoặc giao quản lý quỹ đất.

- Sau khi quỹ đất được giao cho tổ chức có chức năng quản lý, việc lập danh mục, phê duyệt và tổ chức cho thuê thực hiện theo Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định có liên quan.

- Đối với bến, bãi có chủ trương đầu tư còn hiệu lực, rà soát để xem xét cho thuê đất hoặc tiếp tục cho thuê đất ngắn hạn phù hợp quy định của pháp luật.

2.4. Hoàn thiện thủ tục pháp lý

- Đối với nhóm (1), rà soát, xác định và hướng dẫn trình tự, thủ tục pháp lý còn thiếu. Đối với nhóm (4), đề xuất thành phố hướng dẫn thực hiện các thủ tục về quy hoạch, đầu tư, đất đai, giao thông, xây dựng, đề điều, thủy lợi, môi trường.

- Đối với nhóm (2), đề xuất thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện trình tự thủ tục cho thuê đất ngắn hạn theo Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Chủ bến, bãi có trách nhiệm lập hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, thực hiện nghĩa vụ tài chính, khắc phục vi phạm và chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu cung cấp.

2.5. Xử lý vi phạm; chấm dứt hoạt động, giải tỏa

- Phân loại, xác định danh mục vi phạm theo từng lĩnh vực và từng bến, bãi; xác định cơ quan thực hiện, biện pháp, lộ trình và thời hạn xử lý.

- Tổ chức xử lý vi phạm về đất đai, đầu tư, giao thông, xây dựng, đề điều, thủy lợi, môi trường theo thẩm quyền.

- Đối với nhóm (3), xây dựng phương án, lộ trình, thời hạn chấm dứt hoạt động, giải tỏa, hoàn trả mặt bằng và thông báo cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng bến, bãi.

- Vận động tổ chức, cá nhân tự giác chấp hành; trường hợp không chấp hành, lập hồ sơ và thực hiện biện pháp cưỡng chế theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

- Tập trung xử lý, tháo dỡ công trình, nhà lán, vật cản vi phạm hành lang bảo vệ đề điều, công trình thủy lợi, hành lang thoát lũ và hành lang an toàn giao thông đường thủy.

- Không để bến, bãi đã chấm dứt hoạt động, giải tỏa tái hoạt động; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm mới phát sinh.

2.6. Rà soát, thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Rà soát diện tích, thời gian sử dụng đất, mặt nước; tình trạng giao đất, cho thuê đất; tiền thuê đất, thuế, phí và các khoản phải nộp có liên quan.

- Xác định nghĩa vụ tài chính đối với diện tích sử dụng ngoài phạm vi được giao, được thuê hoặc trường hợp chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính.

- Đôn đốc thu đúng, thu đủ; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp chậm nộp, không nộp hoặc kê khai không đầy đủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nhiệm vụ cụ thể, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian hoàn thành, sản phẩm và trách nhiệm thực hiện của từng cơ quan, đơn vị được quy định tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này. Ngoài các nhiệm vụ tại Phụ lục, các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Phòng Kinh tế xã

- Chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác quản lý bến, bãi trên địa bàn.

- Tổ chức kiểm tra thực địa, hoàn thiện hồ sơ, phân loại các bến bãi thành các nhóm cụ thể và xác định phương án, lộ trình xử lý đối với từng bến, bãi; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và kết quả rà soát.

- Rà soát xác định thủ tục pháp lý còn thiếu, vi phạm chuyên ngành (đất đai, đề điều, thủy lợi, PCCC, môi trường) và nợ nghĩa vụ tài chính.

- Thông báo, hướng dẫn và đôn đốc tổ chức, cá nhân hoàn thiện thủ tục, thực hiện nghĩa vụ tài chính, khắc phục vi phạm hoặc chấm dứt hoạt động, giải tỏa.

- Hoàn thiện hồ sơ trình UBND xã xử lý vi phạm theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, lập hồ sơ, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn vi phạm mới và không để bến, bãi đã chấm dứt hoạt động, giải tỏa tái hoạt động.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Kiểm tra tính pháp lý của toàn bộ các hợp đồng cho thuê đất cũ.

- Thẩm định quy trình, hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, biên bản vi phạm, quyết định xử phạt, quyết định cưỡng chế giải tỏa bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định pháp luật, không để phát sinh khiếu kiện phức tạp.

3. Công an xã Nghi Dương

- Chủ trì nắm tình hình an ninh trật tự tại các khu vực bến bãi; lập danh sách các đối tượng cố tình chống đối, cản trở công tác rà soát, kiểm tra và xử lý vi phạm.

- Lập phương án bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tuyệt đối trong quá trình tổ chức cưỡng chế giải tỏa (các bến bãi Nhóm 3).

4. Đề nghị Hạt Quản lý đề điều và Công ty TNHH MTV Đa Độ

- Cử cán bộ chuyên trách tham gia Tổ kiểm tra liên ngành.

- Cung cấp chính xác mốc giới hành lang bảo vệ đề điều, cống dưới đê, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, kênh trục.

- Tham gia xác minh, hoàn thiện hồ sơ xử lý vi phạm đề điều/thủy lợi đối với từng bến bãi để làm căn cứ phân loại chính xác.

5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã

- Xây dựng các bài phát thanh tuyên truyền về nội dung Nghị quyết số 10-NQ/TU, Kế hoạch số 311/KH-UBND và Kế hoạch của UBND xã.

- Đưa tin công khai, kịp thời về tiến độ xử lý, biểu dương các đơn vị, cá nhân chấp hành tốt và phản ánh các trường hợp vi phạm, cố tình chống đối.

6. Trưởng các thôn dân cư

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết số 10-NQ/TU và Kế hoạch số 311/KH-UBND đến các hộ dân và chủ bến bãi trên địa bàn thôn.

- Tham gia kiểm tra thực địa; giám sát hiện trạng bến bãi, kịp thời báo cáo phòng Kinh tế xã khi phát sinh hành vi coi nói, xây dựng trái phép mới.

7. Tổ chức, cá nhân có hoạt động bến, bãi

- Cung cấp đầy đủ, chính xác hồ sơ, tài liệu; phối hợp với cơ quan nhà nước trong quá trình kiểm tra, rà soát và phân loại.
- Chủ động hoàn thiện thủ tục pháp lý, thực hiện nghĩa vụ tài chính, khắc phục vi phạm và chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- Chấm dứt hoạt động, di chuyển vật liệu, thiết bị, tháo dỡ công trình và hoàn trả mặt bằng theo phương án, lộ trình được yêu cầu.

8. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị - Xã hội xã

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân (nhất là các hộ gia đình là chủ bến bãi) chấp hành nghiêm chủ trương thu hồi đất, cho thuê đất ngắn hạn và giải tỏa bến bãi vi phạm.
- Thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với công tác quản lý bến bãi của UBND xã.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao phòng Kinh tế xã theo dõi, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp tham mưu UBND xã báo cáo UBND Thành phố và Sở Nông nghiệp và Môi trường:

1. Báo cáo kết quả rà soát, phân loại, đề xuất phương án xử lý: Hoàn thành trước ngày 05/10/2026.
2. Báo cáo định kỳ 06 tháng: Trước ngày 10/6 hằng năm.
3. Báo cáo định kỳ hằng năm: Trước ngày 10/12 hằng năm.

Yêu cầu Trưởng các Phòng chuyên môn, Công an xã, Trưởng các thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các đơn vị kịp thời phản ánh về phòng Kinh tế xã để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Các Sở: NN&MT, Xây dựng (để b/c);
- TT ĐU, TT HĐND xã (để b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- VP HĐND và UBND xã;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- Các, chủ bến bãi;
- Các thôn dân cư;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Văn Tuấn

PHỤ LỤC: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
 (Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nghi Dương)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
1	Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 10-NQ/TU, Kế hoạch số 311/KH-UBND, Kế hoạch xã Nghi Dương, tiêu chí phân loại và quy định pháp luật liên quan.	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công	Phòng Kinh tế; Văn phòng HĐND và UBND xã; Công an xã; Mặt trận Tổ quốc xã và các đoàn thể; Trưởng các thôn.	Thực hiện ngay và duy trì thường xuyên.	Tài liệu tuyên truyền; Tin, bài phát thanh; Danh sách cam kết của chủ bến bãi.	Xây dựng tin bài phát thanh; phổ biến quy định, tiêu chí phân loại và vận động chủ bến bãi chấp hành.
2	Kiểm tra thực địa, khảo sát hiện trường, rà soát, thống kê và thu thập toàn bộ hồ sơ pháp lý từng bến bãi trên địa bàn xã.	Phòng Kinh tế	Văn phòng HĐND và UBND xã; Công an xã; Hạt Quản lý Đề điều Dương Kinh; Công ty TNHH MTV KTCTTL Đa Độ; Trưởng các thôn.	Trước ngày 30/9/2026	01 Bộ hồ sơ kiểm tra từng bến bãi; sơ đồ tọa độ, diện tích, ảnh hiện trạng.	Đo đạc thực địa, xác định vị trí, diện tích sử dụng, nguồn gốc đất, chủ thể, công trình kiên cố, máy móc, chủng loại hàng hóa.
3	Rà soát xác định thủ tục pháp lý còn thiếu, vi phạm chuyên ngành (đất đai, đề điều, thủy lợi, PCCC, môi trường) và nợ nghĩa vụ tài chính.	Phòng Kinh tế	Công an xã; Hạt Quản lý Đề điều Dương Kinh; Công ty TNHH MTV KTCTTL Đa Độ; Bộ phận Thuế; Trưởng các thôn.	Trước ngày 25/9/2026	Bảng tổng hợp thủ tục còn thiếu, hành vi vi phạm, số tiền nợ thuế/thuê đất từng bến bãi.	Đối chiếu quy định chuyên ngành; xác định mức độ vi phạm, thẩm quyền xử lý, tiền nộp ngân sách và đơn đốc thực hiện.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
4	Đánh giá, phân loại bến bãi theo 04 nhóm tiêu chí và tổng hợp hồ sơ báo cáo UBND thành phố/Sở NN&MT.	Phòng Kinh tế	Văn phòng HĐND và UBND xã; Công an xã; Hạt Quản lý đề điều Dương Kinh; Công ty TNHH MTV KTCTTL Đa Độ	Trước ngày 30/9/2026	Bảng tổng hợp phân loại toàn xã (Phụ lục IV); Phiếu đánh giá từng bến bãi.	Đánh giá, đối chiếu tiêu chí, đề xuất phương án xử lý cụ thể cho từng trường hợp; chịu trách nhiệm về số liệu.
5	Phát hành thông báo kết quả phân loại.	Phòng Kinh tế	Phòng Kinh tế; Công an xã; Trưởng các thôn.	Trong 05 ngày làm việc từ khi có kết quả chính thức.	Thông báo gửi từng bến bãi; Biên bản giao nhận; Bản cam kết chấp hành.	Gửi văn bản tận tay các chủ bến bãi; nêu rõ thời hạn, thủ tục còn thiếu, nghĩa vụ tài chính và yêu cầu khắc phục.
6	Phối hợp rà soát đề xuất danh mục bến bãi Nhóm (1) và Nhóm (4) cập nhật vào Quy hoạch chung thành phố.	Phòng Kinh tế	Sở Xây dựng; Văn phòng HĐND và UBND xã.	Trước ngày 15/10/2026	Danh mục bến bãi đề xuất quy hoạch kèm hồ sơ, bản đồ vị trí.	Đánh giá sự phù hợp kết nối giao thông, an toàn đề điều, thoát lũ; tham mưu trình cấp có thẩm quyền bổ sung quy hoạch.
7	Phối hợp rà soát đề xuất danh mục vị trí đất bến bãi Nhóm (2) áp dụng cho thuê	Phòng Kinh tế	Sở Nông nghiệp và MT; Văn phòng HĐND và UBND xã;	Trước ngày 20/10/2026	Danh mục vị trí đất nhóm (2); hồ sơ nguồn gốc	Kiểm tra điều kiện khai thác ngắn hạn, xác định

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
	đất ngắn hạn theo QĐ 158/2025/QĐ-UBND.		Hạt Quản lý đô điều Dương Kinh; Công ty TNHH MTV KTCTTL Đa Độ		đất, hiện trạng công trình.	nguồn gốc đất; tham mưu phương án giao quản lý quỹ đất cho thuê theo quy định.
8	Xây dựng và thực hiện Phương án xử lý, chấm dứt hoạt động, giải tỏa, hoàn trả mặt bằng đối với bến bãi Nhóm (3).	Phòng Kinh tế (chủ trì chính) Công an xã (phối hợp cưỡng chế)	Văn phòng HĐND và UBND xã; Hạt Quản lý Đô điều Dương Kinh Công ty TNHH MTV KTCTTL Đa Độ; Trung tâm DV SN công; Trường các thôn.	Hoàn thành phương án trước 15/11/2026; giải tỏa giai đoạn 2026-2028.	Phương án giải tỏa; Quyết định cưỡng chế (nếu có); Biên bản hoàn trả mặt bằng.	Vận động chủ bến bãi tự tháo dỡ; lập hồ sơ cưỡng chế nếu không chấp hành; quản lý chặt chẽ mặt bằng sau giải tỏa.
9	Tăng cường kiểm tra, ngăn chặn và xử lý vi phạm hành chính về đất đai, đô điều, thủy lợi, môi trường bến bãi.	Phòng Kinh tế	Công an xã; Hạt Quản lý Đô điều Dương Kinh Công ty TNHH MTV KTCTTL Đa Độ; Trường các thôn.	Thực hiện thường xuyên.	Biên bản kiểm tra; Biên bản VPHC; Quyết định xử phạt thuộc thẩm quyền.	Tăng cường kiểm tra định kỳ, đột xuất; xử lý dứt điểm các hành vi vi phạm mới phát sinh, đình chỉ bến bãi không phép.
10	Nắm tình hình, bảo đảm an ninh trật tự, PCCC, ATGT đường thủy; đấu tranh vi phạm và bảo vệ lực lượng giải tỏa, cưỡng chế.	Công an xã	Phòng Kinh tế; Văn phòng HĐND và UBND xã; Trung tâm DVSN công; Trường các thôn.	Thực hiện thường xuyên.	Phương án bảo vệ ANTT; Hồ sơ xử lý vi phạm PCCC, ANTT;	Nắm chắc tình hình, đấu tranh ngăn chặn chống đối; kiểm tra an toàn PCCC; bảo đảm an ninh trật tự

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
					Kế hoạch bảo vệ cường chế.	trong quá trình cường chế.
11	Phối hợp rà soát, kiểm tra, lập biên bản xử lý vi phạm hành lang bảo vệ đê điều, hành lang thoát lũ trên địa bàn xã.	Hạt Quản lý đê điều Dương Kinh	Phòng Kinh tế; Công an xã; Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các thôn.	Thực hiện thường xuyên.	Văn bản hướng dẫn chuyên ngành; Biên bản kiểm tra đê điều; Kiến nghị xử lý.	Cung cấp mốc giới hành lang đê; phối hợp kiểm tra thực địa, lập biên bản vi phạm đê điều, thoát lũ trình cấp có thẩm quyền.
12	Phối hợp rà soát, kiểm tra bến bãi trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, kênh trục nội đồng trên địa bàn xã.	Công ty TNHH MTV KTCTTL Đa Độ	Phòng Kinh tế; Công an xã; Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các thôn.	Thực hiện thường xuyên.	Báo cáo rà soát bến bãi vi phạm thủy lợi; Biên bản kiểm tra liên ngành.	Rà soát công trình thủy lợi, kênh trục nội đồng; đánh giá ảnh hưởng thoát nước, cấp nước; phối hợp xử lý cản trở dòng chảy.
13	Đôn đốc, giám sát tình hình bến bãi tại địa bàn từng thôn; phát hiện và phản ánh kịp thời các vi phạm mới phát sinh.	Trưởng các thôn	Ban công tác Mặt trận thôn; Công an xã; Phòng Kinh tế.	Thực hiện thường xuyên.	Báo cáo tình hình bến bãi tại thôn; Biên bản vận động hộ gia đình/chủ bến bãi.	Bám sát địa bàn, tuyên truyền nhân dân chấp hành; kịp thời phát hiện báo cáo UBND xã các bến bãi tự phát hoặc tái hoạt động.